

Số: ~~1696~~/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày ~~28~~ tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan,
tổ chức hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng thẩm định Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Báo cáo số 68/BC-LĐTBXH ngày 10/8/2015 về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khung danh mục 136 vị trí việc làm trong hệ thống các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - có ngạch công chức tối thiểu tương ứng với từng vị trí việc làm (kèm theo Phụ lục 1) và danh mục các vị trí việc làm trong từng cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (kèm theo Phụ lục 2).

Điều 2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hoàn thiện các nội dung của Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý. Bao gồm các nội dung sau:

1. Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục (tại Phụ lục 2) đã được phê duyệt.

2. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tối thiểu tương ứng đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Vụ trưởng Vụ Công chức - Viên chức, Bộ Nội vụ và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

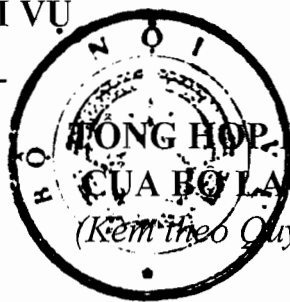
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trần Anh Tuấn;
- Lưu: VT, CCVC (5b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Anh Tuấn



**HỘI KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số 1696/QĐ-BNV ngày 28/6/2016
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
I	NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ	
1	Bộ trưởng	
2	Thứ trưởng	Chuyên viên cao cấp
3	Tổng Cục trưởng	Chuyên viên chính
4	Vụ trưởng thuộc Bộ	Chuyên viên chính
5	Chánh Văn phòng Bộ	Chuyên viên chính
6	Chánh Thanh tra Bộ	Thanh tra viên chính
7	Cục trưởng thuộc Bộ	Chuyên viên chính
8	Phó Tổng Cục trưởng	Chuyên viên chính
9	Phó Vụ trưởng thuộc Bộ	Chuyên viên
10	Phó Chánh Văn phòng Bộ	Chuyên viên
11	Phó Chánh Thanh tra Bộ	Thanh tra viên
12	Phó Cục trưởng thuộc Bộ	Chuyên viên
13	Chánh Văn phòng QG về giảm nghèo	Chuyên viên
14	Phó Chánh Văn phòng QG về giảm nghèo	Chuyên viên
15	Trưởng Đại diện thuộc Văn phòng Bộ	Chuyên viên
16	Phó Trưởng Đại diện thuộc Văn phòng Bộ	Chuyên viên
17	Vụ trưởng thuộc Tổng cục	Chuyên viên
18	Cục trưởng thuộc Tổng cục	Chuyên viên
19	Chánh Văn phòng Tổng cục	Chuyên viên
20	Phó Vụ trưởng thuộc Tổng cục	Chuyên viên
21	Phó Cục trưởng thuộc Tổng cục	Chuyên viên
22	Phó Chánh Văn phòng Tổng cục	Chuyên viên
23	Chánh Văn phòng thuộc Cục	Chuyên viên
24	Phó Chánh Văn phòng thuộc Cục	Chuyên viên
25	Trưởng phòng thuộc Vụ, Cục, Văn phòng, Thanh tra Bộ	Chuyên viên
26	Phó Trưởng phòng thuộc Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra	Chuyên viên
27	Trưởng phòng các đơn vị thuộc Tổng cục	Chuyên viên
28	Phó Trưởng phòng các đơn vị thuộc Tổng cục	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
II	NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	
29	Quản lý về lao động	Chuyên viên
30	Quản lý về tiền lương	Chuyên viên
31	Quản lý về quan hệ lao động	Chuyên viên
32	Quản lý bảo hiểm xã hội bắt buộc	Chuyên viên
33	Quản lý bảo hiểm xã hội tự nguyện	Chuyên viên
34	Quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung	Chuyên viên
35	Hợp tác song phương	Chuyên viên
36	Hợp tác đa phương	Chuyên viên
37	Hợp tác ASEAN	Chuyên viên
38	Quản lý dự án	Chuyên viên
39	Lễ tân đối ngoại	Chuyên viên
40	Quản lý về bình đẳng giới	Chuyên viên
41	Hội nhập quốc tế về bình đẳng giới	Chuyên viên
42	Theo dõi công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ	Chuyên viên
43	Quản lý kế hoạch - tổng hợp	Chuyên viên
44	Quản lý tài chính - kế toán	Chuyên viên
45	Thống kê	Chuyên viên
46	Quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản	Chuyên viên
47	Quản lý tài sản	Chuyên viên
48	Quản lý hoạt động y tế - phục hồi chức năng	Chuyên viên
49	Quản lý nhân sự và đội ngũ CCVC	Chuyên viên
50	Quản lý tổ chức và biên chế	Chuyên viên
51	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng CCVC	Chuyên viên
52	Quản lý chế độ, chính sách và bình đẳng giới	Chuyên viên
53	Theo dõi cải cách hành chính và công vụ, công chức	Chuyên viên
54	Thống kê tổng hợp và quản lý hồ sơ	Chuyên viên
55	Bảo vệ chính trị nội bộ và công tác AN-QP	Chuyên viên
56	Thanh tra	Thanh tra viên
57	Theo dõi giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên (hoặc tương đương)
58	Theo dõi phòng, chống tham nhũng	Thanh tra viên (hoặc tương đương)
59	Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	Thanh tra viên (hoặc tương đương)
60	Kế hoạch - Tổng hợp	Thanh tra viên (hoặc tương đương)
61	Thư ký Bộ trưởng	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
62	Tổng hợp	Chuyên viên
63	Theo dõi thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
64	Theo dõi Quốc phòng - An ninh	Chuyên viên
65	Quản lý chương trình, giáo trình dạy nghề	Chuyên viên
66	Quản lý cơ sở đào tạo nghề	Chuyên viên
67	Quản lý đào tạo nghề cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế	Chuyên viên
68	Quản lý dạy nghề thường xuyên	Chuyên viên
69	Quản lý dạy nghề lao động nông thôn	Chuyên viên
70	Quản lý đào tạo nghề cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số	Chuyên viên
71	Quản lý đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy nghề	Chuyên viên
72	Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy nghề	Chuyên viên
73	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề	Chuyên viên
74	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý CSVC, TBDN	Chuyên viên
75	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý HSSV	Chuyên viên
76	Quản lý công tác HSSV	Chuyên viên
77	Quản lý các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề	Chuyên viên
78	Quản lý đội ngũ đánh giá viên kỹ năng nghề	Chuyên viên
79	Quản lý dữ liệu cấp chứng chỉ kỹ năng nghề	Chuyên viên
80	Quản lý khung trình độ và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;	Chuyên viên
81	Chuyên quản ngân hàng đề đánh giá kỹ năng nghề	Chuyên viên
82	Quy hoạch - Kế hoạch	Chuyên viên
83	Tài chính - Kế toán	Chuyên viên
84	Quản lý kiểm định và công nhận chất lượng dạy nghề	Chuyên viên
85	Quản lý đào tạo kiểm định chất lượng dạy nghề	Chuyên viên
86	Đảm bảo chất lượng dạy nghề	Chuyên viên
87	Quản lý người lao động Việt Nam ở nước ngoài	Chuyên viên
88	Chế độ, chính sách Bảo hộ lao động	Chuyên viên
89	Quản lý quy chuẩn kỹ thuật an toàn lao động	Chuyên viên
90	Quản lý chất lượng sản phẩm đặc thù ATLD	Chuyên viên
91	Quản lý huấn luyện an toàn lao động	Chuyên viên
92	Theo dõi về tai nạn lao động	Chuyên viên
93	Thực hiện chính sách người có công	Chuyên viên
94	Quản lý hồ sơ người có công	Chuyên viên
95	Thông tin liệt sĩ	Chuyên viên
96	Tuyên truyền - thi đua khen thưởng	Chuyên viên
97	Quản lý phòng chống tệ nạn mại dâm	Chuyên viên
98	Quản lý phòng chống tệ nạn ma túy	Chuyên viên

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
99	Quản lý chính sách việc làm	Chuyên viên
100	Quản lý chính sách bảo hiểm thất nghiệp	Chuyên viên
101	Quản lý chính sách thị trường lao động	Chuyên viên
102	Tổng hợp thông tin đối ngoại	Chuyên viên
103	Quản lý lao động nước ngoài	Chuyên viên
104	Quản lý chính sách bảo trợ xã hội	Chuyên viên
105	Quản lý chính sách trợ giúp đột xuất	Chuyên viên
106	Quản lý công tác xã hội	Chuyên viên
107	Điều phối các hoạt động hỗ trợ người khuyết tật	Chuyên viên
108	Quản lý công tác bảo vệ trẻ em	Chuyên viên
109	Quản lý công tác chăm sóc trẻ em	Chuyên viên
110	Quản lý chính sách hỗ trợ giảm nghèo	Chuyên viên
111	Theo dõi, đánh giá chương trình giảm nghèo	Chuyên viên
112	Pháp chế	Chuyên viên
113	Kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên
114	Theo dõi cải cách hành chính	Chuyên viên
115	Thống kê, tổng hợp	Chuyên viên
116	Thông tin tuyên truyền	Chuyên viên
III	NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ	
117	Hành chính - Văn thư	Cán sự (hoặc tương đương)
118	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên
119	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên
120	Công nghệ thông tin	Chuyên viên (hoặc tương đương)
121	Quản lý và xử dụng con dấu	Chuyên viên
122	Theo dõi văn bản đi	Cán sự (hoặc tương đương)
123	Theo dõi văn bản đến	Cán sự (hoặc tương đương)
124	Thông tin tuyên truyền	Chuyên viên
125	Kế toán	Kế toán viên trung cấp
126	Thủ quỹ	Nhân viên
127	Văn thư	Cán sự (hoặc tương đương)
128	Lưu trữ	Cán sự (hoặc tương đương)
129	Thư viện	Nhân viên (hoặc tương đương)

TT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tối thiểu
130	Quản trị công sở	Cán sự (hoặc tương đương)
131	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên (hoặc tương đương)
132	Y tế cơ quan	Cán sự (hoặc tương đương)
133	Lễ tân	
134	Phục vụ	
135	Lái xe	
136	Bảo vệ	





**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG TỪNG CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số **1696**/QĐ-BNV ngày **28**/6/2016
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
1	LÃNH ĐẠO BỘ	2
1.1	Bộ trưởng	
1.2	Thứ trưởng	CVCC
2	VỤ LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG	8
2.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	4
2.1.1	Vụ trưởng	CVC
2.1.2	Phó Vụ trưởng	CV
2.1.3	Trưởng phòng	CV
2.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
2.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3
2.2.1	Quản lý về lao động	CV
2.2.2	Quản lý về tiền lương	CV
2.2.3	Quản lý về quan hệ lao động	CV
2.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
2.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
3	VỤ BẢO HIỂM XÃ HỘI	6
3.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	2
3.1.1	Vụ trưởng	CVC
3.1.2	Phó Vụ trưởng	CV
3.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3
3.2.1	Quản lý bảo hiểm xã hội bắt buộc	CV
3.2.2	Quản lý bảo hiểm xã hội tự nguyện	CV
3.2.3	Quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung	CV
3.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
3.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
4	VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ	10
4.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	4
4.1.1	Vụ trưởng	CVC
4.1.2	Phó Vụ trưởng	CV
4.1.3	Trưởng phòng	CV
4.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
4.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5
4.2.1	Hợp tác song phương	CV
4.2.2	Hợp tác đa phương	CV
4.2.3	Hợp tác ASEAN	CV
4.2.4	Quản lý dự án	CV
4.2.5	Lễ tân đối ngoại	CV
4.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
4.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
5	VỤ BÌNH ĐẲNG GIỚI	6
5.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	2
5.1.1	Vụ trưởng	CVC
5.1.2	Phó Vụ trưởng	CV
5.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3
5.2.1	Quản lý bình đẳng giới	CV
5.2.2	Hội nhập quốc tế về bình đẳng giới	CV
5.2.3	Theo dõi công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ	CV
5.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
5.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
6	VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH	11
6.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	4
6.1.1	Vụ trưởng	CVC
6.1.2	Phó vụ trưởng	CV
6.1.3	Trưởng phòng	CV
6.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
6.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6
6.2.1	Quản lý kế hoạch - tổng hợp	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
6.2.2	Quản lý tài chính - kế toán	CV
6.2.3	Thống kê	CV
6.2.4	Quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản	CV
6.2.5	Quản lý tài sản	CV
6.2.6	Quản lý hoạt động y tế-phục hồi chức năng	CV
6.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
6.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
7	VỤ PHÁP CHẾ	8
7.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	4
7.1.1	Vụ trưởng	CVC
7.1.2	Phó vụ trưởng	CV
7.1.3	Trưởng phòng	CV
7.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
7.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3
7.2.1	Pháp chế	CV
7.2.2	Kiểm soát thủ tục hành chính	CV
7.2.3	Theo dõi cải cách hành chính	CV
7.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
7.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
8	VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ	12
8.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	4
8.1.1	Vụ trưởng	CVC
8.1.2	Phó Vụ trưởng	CV
8.1.3	Trưởng phòng	CV
8.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
8.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	7
8.2.1	Quản lý nhân sự và đội ngũ CCVC	CV
8.2.2	Quản lý tổ chức và biên chế	CV
8.2.3	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng CCVC	CV
8.2.4	Quản lý chế độ, chính sách và bình đẳng giới	CV
8.2.5	Theo dõi cải cách hành chính và công vụ, công chức	CV
8.2.6	Thống kê tổng hợp và quản lý hồ sơ	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
8.2.7	Bảo vệ chính trị nội bộ và công tác AN-QP	CV
8.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
8.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
9	THANH TRA BỘ	10
9.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	4
9.1.1	Chánh Thanh tra	TTVCC
9.1.2	Phó Chánh Thanh tra	TTVC
9.1.3	Trưởng phòng	TTVC
9.1.4	Phó Trưởng phòng	TTV
9.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5
9.2.1	Thanh tra	TTV
9.2.2	Theo dõi giải quyết khiếu nại, tố cáo	TTV hoặc TD
9.2.3	Theo dõi phòng, chống tham nhũng	TTV hoặc TD
9.2.4	Giám sát, kiểm tra và xử lý sau thanh tra	TTV hoặc TD
9.2.5	Kế hoạch - Tổng hợp	TTV hoặc TD
9.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	1
9.3.1	Hành chính - Văn thư	CS hoặc TD
10	VĂN PHÒNG BỘ	25
10.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
10.1.1	Chánh Văn Phòng	CVC
10.1.2	Phó Chánh văn phòng	CV
10.1.3	Trưởng phòng	CV
10.1.4	Phó Trưởng phòng	CV
10.1.5	Trưởng Đại diện VP Bộ tại TP HCM	CV
10.1.6	Phó Trưởng đại diện VP Bộ tại TP HCM	CV
10.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5
10.2.1	Thư ký Bộ trưởng	CV
10.2.2	Tổng hợp	CV
10.2.3	Theo dõi thi đua, khen thưởng	CV
10.2.4	Theo dõi Quốc phòng - An ninh	CV
10.2.5	Thông tin tuyên truyền	CV
10.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	14

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
10.3.1	Công nghệ thông tin	CV hoặc TĐ
10.3.2	Quản trị công sở	CS
10.3.3	Quản lý và xử dụng con dấu	CV
10.3.4	Theo dõi văn bản đi	CS hoặc TĐ
10.3.5	Theo dõi văn bản đến	CS hoặc TĐ
10.3.6	Văn thư	CS hoặc TĐ
10.3.7	Lưu trữ	NV hoặc TĐ
10.3.8	Kế toán	KTVTC
10.3.9	Thủ quỹ	NV
10.3.10	Y tế cơ quan	CS hoặc TĐ
10.3.11	Lái xe	
10.3.12	Phục vụ	
10.3.13	Bảo vệ	
10.3.14	Lễ tân	
11	TỔNG CỤC DẠY NGHỀ	58
11.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	14
11.1.1	Tổng cục trưởng	CVC
11.1.2	Phó Tổng cục trưởng	CV
11.1.3	Cục trưởng	CV
11.1.4	Phó Cục trưởng	CV
11.1.5	Vụ trưởng	CV
11.1.6	Phó Vụ trưởng	CV
11.1.7	Chánh văn phòng thuộc Tổng cục	CV
11.1.8	Phó Chánh văn phòng thuộc Tổng cục	CV
11.1.9	Chánh Văn phòng thuộc Cục	CV
11.1.10	Phó Chánh Văn phòng thuộc Cục	CV
11.1.11	Trưởng phòng	CV
11.1.12	Phó Trưởng phòng	CV
11.1.13	Trưởng phòng các đơn vị thuộc Tổng cục	CV
11.1.14	Phó Trưởng phòng các đơn vị thuộc Tổng cục	CV
11.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	30
	<i>Vụ Dạy nghề chính quy</i>	3

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
11.2.1	Quản lý chương trình, giáo trình dạy nghề	CV
11.2.2	Quản lý cơ sở đào tạo nghề	CV
11.2.3	Quản lý đào tạo nghề cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế	CV
	Vụ Dạy nghề thường xuyên	3
11.2.4	Quản lý dạy nghề thường xuyên	CV
11.2.5	Quản lý dạy nghề lao động nông thôn	CV
11.2.6	Quản lý đào tạo nghề cho người khuyết tật, người dân tộc	CV
	Vụ Giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề	2
11.2.7	Quản lý đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy nghề	CV
11.2.8	Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy nghề	CV
	Vụ Cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề	2
11.2.9	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị dạy nghề	CV
11.2.10	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý CSVN, TĐN	CV
	Vụ Công tác học sinh, sinh viên	2
11.2.11	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý HSSV	CV
11.2.12	Quản lý công tác HSSV	CV
	Vụ Kỹ năng nghề	4
11.2.13	Quản lý dữ liệu cấp chứng chỉ kỹ năng nghề	CV
11.2.14	Quản lý khung trình độ và tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;	CV
11.2.15	Chuyên quản ngân hàng đề đánh giá kỹ năng nghề	CV
11.2.16	Quản lý khung trình độ nghề quốc gia và hệ thống các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia	CV
	Vụ Tổ chức cán bộ	5
11.2.17	Quản lý tổ chức bộ máy và biên chế	CV
11.2.18	Quản lý nhân sự và đội ngũ CCVC	CV
11.2.19	Quản lý chế độ, chính sách và bình đẳng giới	CV
11.2.20	Bảo vệ chính trị nội bộ và công tác AN-QP	CV
11.2.21	Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng	CV
	Vụ Kế hoạch - Tài chính	2
11.2.21	Quy hoạch - Kế hoạch	CV
11.2.22	Tài chính - Kế toán	CV
	Vụ Pháp chế - Thanh tra	4
11.2.23	Pháp chế	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
11.2.24	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	CV
11.2.25	Theo dõi cải cách hành chính	CV
11.2.26	Kiểm soát thủ tục hành chính	CV
	Cục Kiểm định chất lượng dạy nghề	3
11.2.27	Quản lý kiểm định và công nhận chất lượng dạy nghề	CV
11.2.28	Quản lý đào tạo kiểm định chất lượng dạy nghề	CV
11.2.29	Đảm bảo chất lượng dạy nghề	CV
11.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	14
11.3.1	Tổng hợp đối ngoại	CV
11.3.2	Thông tin tuyên truyền	CV
11.3.3	Hành chính tổng hợp	CV
11.3.4	Kế toán	KTVTC
11.3.5	Thủ quỹ	NV
11.3.6	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
11.3.7	Quản trị công sở	CS
11.3.8	Y tế cơ quan	CS hoặc TD
11.3.9	Văn thư	CS hoặc TD
11.3.10	Lưu trữ	NV hoặc TD
11.3.11	Phục vụ	
11.3.12	Lễ tân	
11.3.13	Bảo vệ	
11.3.14	Lái xe	
12	CỤC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC	21
12.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
12.1.1	Cục trưởng	CVC
12.1.2	Phó Cục trưởng	CV
12.1.3	Chánh Văn phòng	CV
12.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
12.1.5	Trưởng phòng	CV
12.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
12.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5
12.2.1	Quản lý người lao động Việt Nam ở nước ngoài	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
12.2.2	Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	CV
12.2.3	Pháp chế	CV
12.2.4	Tổng hợp thông tin đối ngoại	CV
12.2.5	Thông tin tuyên truyền	CV
12.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	10
12.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
12.3.2	Kế toán	KTVTC
12.3.3	Thủ quỹ	NV
12.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
12.3.5	Quản trị công sở	CS
12.3.6	Văn thư	CS hoặc TD
12.3.7	Lưu trữ	NV hoặc TD
12.3.8	Phục vụ	
12.3.9	Lễ tân	
12.3.10	Bảo vệ	
12.3.13	Lái xe	
13	CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG	23
13.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
13.1.1	Cục trưởng	CVC
13.1.2	Phó Cục trưởng	CV
13.1.3	Chánh Văn phòng	CV
13.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
13.1.5	Trưởng phòng	CV
13.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
13.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	6
13.2.1	Chế độ, chính sách bảo hộ lao động	CV
13.2.2	Quản lý quy chuẩn kỹ thuật an toàn lao động	CV
13.2.3	Quản lý chất lượng sản phẩm đặc thù ATLĐ	CV
13.2.4	Thông tin tuyên truyền	CV
13.2.5	Quản lý huấn luyện an toàn lao động	CV
13.2.6	Theo dõi về tai nạn lao động	CV
13.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	11

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
13.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
13.3.2	Kế toán	KTVTC
13.3.3	Thủ quỹ	NV
13.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
13.3.5	Quản trị công sở	CS
13.3.6	Văn thư	CS hoặc TD
13.3.7	Lưu trữ	NV hoặc TD
13.3.8	Phục vụ	
13.3.9	Lễ tân	
13.3.10	Bảo vệ	
13.3.11	Lái xe	
14	CỤC NGƯỜI CÓ CÔNG	22
14.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
14.1.1	Cục trưởng	CVC
14.1.2	Phó Cục trưởng	CV
14.1.3	Chánh Văn phòng	CV
14.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
14.1.5	Trưởng phòng	CV
14.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
14.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4
14.2.1	Thực hiện chính sách người có công	CV
14.2.2	Quản lý hồ sơ người có công	CV
14.2.3	Thông tin liệt sĩ	CV
14.2.4	Tuyên truyền - thi đua khen thưởng	CV
14.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
14.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
14.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
14.3.3	Kế toán	KTVTC
14.3.4	Thủ quỹ	NV
14.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
14.3.6	Quản trị công sở	CS
14.3.7	Văn thư	CS hoặc TD

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
14.3.8	Lưu trữ	NV hoặc TD
14.3.9	Phục vụ	
14.3.10	Lễ tân	
14.3.11	Bảo vệ	
14.3.12	Lái xe	
15	CỤC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	21
15.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
15.1.1	Cục trưởng	CVC
15.1.2	Phó Cục trưởng	CV
15.1.3	Chánh Văn phòng	CV
15.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
15.1.5	Trưởng phòng	CV
15.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
15.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	3
15.2.1	Thông tin tuyên truyền	CV
15.2.2	Quản lý phòng chống tệ nạn mại dâm	CV
15.2.3	Quản lý phòng chống tệ nạn ma túy	CV
15.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
15.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
15.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
15.3.3	Kế toán	KTVTC
15.3.4	Thủ quỹ	NV
15.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
15.3.6	Quản trị công sở	CS
15.3.7	Văn thư	CS hoặc TD
15.3.8	Lưu trữ	NV hoặc TD
15.3.9	Phục vụ	
15.3.10	Lễ tân	
15.3.11	Bảo vệ	
15.3.12	Lái xe	
16	CỤC VIỆC LÀM	22
16.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
16.1.1	Cục trưởng	CVC
16.1.2	Phó Cục trưởng	CV
16.1.3	Chánh Văn phòng	CV
16.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
16.1.5	Trưởng phòng	CV
16.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
16.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4
16.2.1	Quản lý chính sách việc làm	CV
16.2.2	Quản lý chính sách bảo hiểm thất nghiệp	CV
16.2.3	Quản lý chính sách thị trường lao động	CV
16.2.4	Quản lý lao động nước ngoài	CV
16.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	12
16.3.1	Tổ chức nhân sự	CV
16.3.2	Hành chính tổng hợp	CV
16.3.3	Kế toán	KTVTC
16.3.4	Thủ quỹ	NV
16.3.5	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
16.3.6	Quản trị công sở	CS
16.3.7	Văn thư	CS hoặc TD
16.3.8	Lưu trữ	NV hoặc TD
16.3.9	Phục vụ	
16.3.10	Lễ tân	
16.3.11	Bảo vệ	
16.3.12	Lái xe	
17	CỤC BẢO TRỢ XÃ HỘI	22
17.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
17.1.1	Cục trưởng	CVC
17.1.2	Phó Cục trưởng	CV
17.1.3	Chánh Văn phòng	CV
17.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
17.1.5	Trưởng phòng	CV
17.1.6	Phó Trưởng phòng	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
17.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	5
17.2.1	Quản lý chính sách bảo trợ xã hội	CV
17.2.2	Quản lý chính sách trợ giúp đột xuất	CV
17.2.3	Quản lý công tác xã hội	CV
17.2.4	Thống kê, tổng hợp	CV
17.2.5	Điều phối các hoạt động hỗ trợ người khuyết tật	CV
17.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	11
17.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
17.3.2	Kế toán	KTVTC
17.3.3	Thủ quỹ	NV
17.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc ID
17.3.5	Quản trị công sở	CS
17.3.6	Văn thư	CS hoặc TD
17.3.7	Lưu trữ	NV hoặc TD
17.3.8	Phục vụ	
17.3.9	Lễ tân	
17.3.10	Bảo vệ	
17.3.11	Lái xe	
18	CỤC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM	21
18.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	6
18.1.1	Cục trưởng	CVC
18.1.2	Phó Cục trưởng	CV
18.1.3	Chánh Văn phòng	CV
18.1.4	Phó Chánh Văn phòng	CV
18.1.5	Trưởng phòng	CV
18.1.6	Phó Trưởng phòng	CV
18.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4
18.2.1	Quản lý công tác bảo vệ trẻ em	CV
18.2.2	Quản lý công tác chăm sóc trẻ em	CV
18.2.3	Thống kê, tổng hợp	CV
18.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	11
18.3.1	Hành chính tổng hợp	CV

Mã VTVL	Tên đơn vị/VTVL	Ngạch công chức tối thiểu
18.3.2	Kế toán	KTVTC
18.3.3	Thủ quỹ	NV
18.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
18.3.5	Quản trị công sở	CS
18.3.6	Văn thư	CS hoặc TD
18.3.7	Lưu trữ	NV hoặc TD
18.3.8	Phục vụ	
18.3.9	Lễ tân	
18.3.10	Bảo vệ	
18.3.11	Lái xe	
19	VĂN PHÒNG QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO	17
19.1	Nhóm lãnh đạo, quản lý	2
19.1.1	Chánh Văn phòng	CVC
19.1.2	Phó Chánh văn phòng	CV
19.2	Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	4
19.2.1	Thông tin tuyên truyền	CV
19.2.2	Theo dõi, đánh giá chương trình giảm nghèo	CV
19.2.3	Thống kê, tổng hợp	CV
19.3	Nhóm hỗ trợ, phục vụ	11
19.3.1	Hành chính tổng hợp	CV
19.3.2	Kế toán	KTVTC
19.3.3	Thủ quỹ	NV
19.3.4	Công nghệ thông tin	CV hoặc TD
19.3.5	Quản trị công sở	CS
19.3.6	Văn thư	CS hoặc TD
19.3.7	Lưu trữ	NV hoặc TD
19.3.8	Phục vụ	
19.3.9	Lễ tân	
19.3.10	Bảo vệ	
19.3.11	Lái xe	